

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS – ST
Ngày: 19/9/2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sanh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2017/TLST- DS ngày 27-4-2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-DS ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà REE, số 09, đường Đ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng A (Theo văn bản ủy quyền số 10/2016/UQ-QTRR ngày 09/02/2017 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty A);

Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Dương Thanh T, sinh năm 1987

HKTT: Tổ 16, ấp Đ, xã Hòa L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Số 544 đường C, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo Văn bản ủy quyền số 164/UQTT-QTRR.17 ngày 11/4/2017 của Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý –Trung tâm thu hồi nợ - Khối quản lý rủi ro- Công ty A)

-Bị đơn: Ông Châu Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 861 đường Q, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-4-2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, Công ty A có chính sách cho vay thêm đối với những cá nhân đã từng vay trước đó có khả năng thanh toán đúng thời hạn, nên Công ty đã thỏa thuận với ông Châu Văn T về việc tắt toán hợp đồng tín dụng cũ trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới. Vì thế, ngày 20/08/2015, ông Châu Văn T có ký hợp đồng với Công ty A vay số tiền 53.576.785 đ (Trong đó nợ gốc của khoản vay cũ là 18.283.682 đ, số tiền thực nhận ghi giải ngân là 32.500.000 đ, phí bảo hiểm là 2.793.103đ) lãi suất 5%/tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, để vay tiêu dùng cá nhân, không có thế chấp tài sản.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 105.051.000. Trong đó tiền gốc là 53.576.785 đ, tiền lãi là 51.474.215đ, trả chậm trong 29 tháng, theo đó 28 tháng đầu mỗi tháng trả 3.539.000 đồng, tháng cuối trả 5.959.000.đồng, thanh toán vào ngày 01 hằng tháng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 01/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền đã vay và thanh toán cho Công ty A được 3.551.000đ trong đó tiền gốc là 235.098đ và tiền lãi là 3.315.902đ. Ông T chỉ đóng được 01 tháng đầu tiên đúng thỏa thuận, sang tháng thứ hai thì ông T đóng không đúng số tiền hàng tháng phải đóng như thỏa thuận và sang tháng thứ 3 tức ngày 30/1/2016 thì ông T không đóng bất kỳ khoản nào cho Công ty nữa. Đến nay ông T còn nợ gốc và lãi tổng cộng 101.500.000đ. Tuy nhiên vì xét thấy hoàn cảnh ông T khó khăn nên Công ty giảm cho ông T một phần tiền lãi là 13.899.889đ. Công ty chỉ tính tiền lãi đến ngày 01/01/2017.

Nay Công ty đề nghị Tòa án buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho Công ty A số tiền còn nợ gốc là 53.341.687đ và tiền lãi 34.258.324đ. Tổng cộng là 87.600.111đ cùng với tiền lãi chậm thanh toán phát sinh khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực phát luật.

Công ty xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Châu Văn T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty A, vì ông T vay với mục đích là tiêu dùng cá nhân nên Công ty không yêu cầu vợ ông T cùng có trách nhiệm thanh toán.

Tại biên bản xác minh ngày 31/5/2017:

Bà Bùi Thị Hải Y - Cảnh sát khu vực khu phố 3, phường P cung cấp: Ông Châu Văn T, sinh năm 1971 không có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện tại cũng không sinh sống tại địa chỉ số 861, đường Q, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ông Nguyễn Quang K- Cảnh sát khu vực xã T cung cấp: Ông Châu Văn T, sinh năm 1971, trước đây có đăng ký tạm trú tại tổ 6, ấp P xã T, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nhưng hiện tại ông T không còn sinh sống tại địa chỉ trên mà đã bỏ đi khỏi địa phương gần hai năm nay. Khi đi ông T không báo với địa phương

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng: Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Châu Văn T vắng mặt lần thứ hai Tòa án cũng đã niêm yết Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Vì thế Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số nợ gốc là 53.341.687đ và tiền lãi 34.258.324đ cùng với tiền lãi chậm thanh toán phát sinh khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực phát luật.

-Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Công ty A khởi kiện ông Châu Văn T về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trước đây có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Châu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1] Lời khai của đại diện Công ty A tại phiên tòa hôm nay về quá trình ký kết và nội dung hợp đồng tín dụng, hoàn toàn phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Bản sao đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150821-113003-0003 ngày 20/8/2015.

Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Ngày 20/8/2015, ông T đã ký hợp đồng tín dụng vay của Công ty A số tiền nợ gốc là 53.576.785đ, lãi suất 5%/tháng. Ông T là người vay tiền và đã nhận đầy đủ số tiền vay, kỳ hạn trả nợ lần đầu ngày 01/10/2015 và kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 01/02/2018. Tuy nhiên ông T chỉ mới thanh toán được 02 kỳ (02 tháng). Trong đó chỉ có tháng đầu tiên ông T đóng số tiền đúng như thỏa thuận, sang tháng thứ hai thì ông T đóng không đúng số tiền hàng tháng phải đóng như thỏa thuận và sang tháng thứ 3 tức ngày 30/1/2016 thì ông T không đóng bất kỳ khoản nào cho Công ty nữa. Tổng số

tiền ông T đã đóng là 3.551.000đ trong đó tiền gốc là 235.098đ và tiền lãi là 3.315.902đ, còn lại 27 kỳ (12 tháng) ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng. Xét mục đích vay của ông T để tiêu dùng cá nhân bằng hình thức tín chấp, không thế chấp tài sản bảo đảm, khi ký kết hợp đồng chỉ cá nhân ông T ký, không có vợ ông T tham gia giao dịch, mặt khác Công ty xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông T thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định đây là nợ cá nhân của ông T.

[2] Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến để làm việc, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án phải đến tận nhà ông T để xác minh, lấy lời khai. Tuy nhiên, ông T đã rời khỏi địa phương từ năm 2015 cho đến nay. Địa phương không biết hiện ông T đang ở đâu vì khi đi ông T không báo với địa phương

Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt, cũng như niêm yết thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận tài liệu, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt.

[3] Phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ về thủ tục giải ngân để thể hiện việc ông T có ký nhận số tiền vay. Tuy nhiên, Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng từ giải ngân từ Bưu điện thành phố Bà Rịa. Điều này thể hiện việc ông T có vay tiền và có ký nhận số tiền vay của Công ty A.

[4] Về tiền lãi: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150821-113003-0003 ngày 20/8/2015 có thỏa thuận về lãi suất. Tại thời điểm vay, các bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng tức 60%/năm là vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự tức vượt quá 150% của khoản tiền vay. Tuy nhiên do thỏa thuận giữa ông T và Công ty A là thỏa thuận về Hợp đồng tín dụng nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật tổ chức tín dụng, theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa hôm nay phía Công ty yêu cầu ông T thanh toán số nợ gốc là 53.341.687đ và tiền lãi 34.258.324đ, vậy Công ty đã giảm cho ông T 13.899.989đ tiền lãi. Tính theo Hợp đồng tín dụng và lời khai của Công ty thì hạn thanh toán cuối cùng của Hợp đồng là 01/02/2018. Tuy nhiên Công ty không yêu cầu tiền lãi đến ngày 01/02/2018 mà chỉ yêu cầu tiền lãi đến ngày 01/01/2017 và có giảm thêm 1 phần tiền lãi cho ông T. Xét sự giảm lãi của công ty cho ông T là tự nguyện và có lợi cho phía bị đơn nên cần chấp nhận

[5] Về lãi chậm trả: tại phiên tòa, Công ty đồng ý cho bị đơn tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn lại từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Như vậy, việc Công ty A khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 53.341.687đ, tiền lãi là 34.258.324đ và tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc còn lại từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Châu Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015
- Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.
- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với ông Châu Văn T.

1. Buộc ông Châu Văn T phải thanh toán cho Công ty A tổng số nợ tính đến ngày 19/9/2017 là 87.600.111đ (Tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn một trăm mười một đồng). Trong đó nợ gốc là 53.341.687đ (năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng), tiền lãi là 34.258.324đ (ba mươi bốn triệu hai trăm năm mươi tám nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Châu Văn T phải nộp 4.380.006đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn không trăm lẻ sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty A số tiền 2.190.000đ (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005020 ngày 26/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Văn Thị Hiền**

